

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002511

Trang : 1/2

Môn học: **Biên dịch (224311) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **12/01/2023**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **A501**

Đ: 24  
H: 06

Số SV có mặt: 30

Số bài thi: 30

Số tờ giấy thi: 30

| Cán bộ coi thi 1   | Cán bộ coi thi 2   | G.Viên chấm thi 1      | G.Viên chấm thi 2 |
|--------------------|--------------------|------------------------|-------------------|
| T3<br>Tân An Tường | Uue<br>Bùi Thị Huệ | Nguyễn Thị Phương Linh | T.T. A. Hương     |

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV           | Ngày sinh  | Mã lớp   | H.Phí | Số tờ Mã đề | Chữ ký   | Đ.QT 40% | Đ.Thi 60% | Điểm HP | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|-----|------------|------------------------|------------|----------|-------|-------------|----------|----------|-----------|---------|----------------------------------|-------------------------------------|
| 1   | 2120240188 | TRẦN CHÂU ÂU           | 04/11/2002 | CCQ2024G |       | 01          | [Chữ ký] | 6,4      | 6,7       | 6,6     | [Bảng tô đậm]                    | [Bảng tô đậm]                       |
| 2   | 2120240232 | NGUYỄN THỊ HOÀI GIANG  | 16/10/1999 | CCQ2024H |       | 01          | [Chữ ký] | 8,0      | 7,9       | 7,9     | [Bảng tô đậm]                    | [Bảng tô đậm]                       |
| 3   | 2120240034 | VÕ BÍCH GIÀU           | 25/07/2002 | CCQ2024B |       | 01          | [Chữ ký] | 7,8      | 4,6       | 5,9     | [Bảng tô đậm]                    | [Bảng tô đậm]                       |
| 4   | 2120240233 | NGUYỄN THỊ HẠNH        | 04/12/1999 | CCQ2024H |       | 01          | [Chữ ký] | 6,5      | 6,5       | 6,5     | [Bảng tô đậm]                    | [Bảng tô đậm]                       |
| 5   | 2120240154 | NGUYỄN THỊ THANH HÒA   | 13/06/2002 | CCQ2024F |       | 01          | [Chữ ký] | 8,4      | 1,5       | 4,3     | [Bảng tô đậm]                    | [Bảng tô đậm]                       |
| 6   | 2120240235 | NGUYỄN THỊ HỒNG        | 04/06/2002 | CCQ2024H |       | 01          | [Chữ ký] | 7,4      | 6,4       | 6,8     | [Bảng tô đậm]                    | [Bảng tô đậm]                       |
| 7   | 2120240042 | BÙI THỊ NGỌC HƯƠNG     | 30/06/2002 | CCQ2024B |       | 01          | [Chữ ký] | 8,4      | 6,3       | 7,1     | [Bảng tô đậm]                    | [Bảng tô đậm]                       |
| 8   | 2120240124 | HUỲNH LÊ KIM KHÁNH     | 06/07/2001 | CCQ2024E |       | 01          | [Chữ ký] | 7,3      | 5,6       | 6,3     | [Bảng tô đậm]                    | [Bảng tô đậm]                       |
| 9   | 2121240163 | ĐIỀU THÀNH LONG        | 05/10/2000 | CCQ2124F |       | 01          | [Chữ ký] | 8,3      | 8,4       | 8,4     | [Bảng tô đậm]                    | [Bảng tô đậm]                       |
| 10  | 2119240179 | NGUYỄN THỊ TRÀ MI      | 03/12/2001 | CCQ1924G |       | 01          | [Chữ ký] | 8,5      | 4,2       | 5,9     | [Bảng tô đậm]                    | [Bảng tô đậm]                       |
| 11  | 2120240131 | LÊ TRẦN QUÝ NAM        | 21/05/2000 | CCQ2024E |       |             |          |          |           |         | [Bảng tô đậm]                    | [Bảng tô đậm]                       |
| 12  | 2119240098 | LÊ TRÚC NGÂN           | 18/01/2001 | CCQ1924D |       | 01          | [Chữ ký] | 8,0      | 8,9       | 8,5     | [Bảng tô đậm]                    | [Bảng tô đậm]                       |
| 13  | 2120240136 | LÊ TUYẾT HỒNG NHUNG    | 04/07/2002 | CCQ2024E |       | 01          | [Chữ ký] | 7,1      | 3,7       | 5,1     | [Bảng tô đậm]                    | [Bảng tô đậm]                       |
| 14  | 2120240195 | TRẦN CAO QUỲNH NHƯ     | 25/01/2000 | CCQ2024G |       | 01          | [Chữ ký] | 5,7      | 0,3       | 2,5     | [Bảng tô đậm]                    | [Bảng tô đậm]                       |
| 15  | 2120240049 | LÊ THỊ KIM OANH        | 16/07/2002 | CCQ2024B |       | 01          | [Chữ ký] | 8,1      | 1,4       | 4,1     | [Bảng tô đậm]                    | [Bảng tô đậm]                       |
| 16  | 2120240244 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG OANH | 29/10/2002 | CCQ2024H |       | 01          | [Chữ ký] | 8,4      | 0,7       | 3,8     | [Bảng tô đậm]                    | [Bảng tô đậm]                       |
| 17  | 2120240207 | PHAN THỊ KIỀU OANH     | 06/04/2002 | CCQ2024B |       | 01          | [Chữ ký] | 9,8      | 9,2       | 9,4     | [Bảng tô đậm]                    | [Bảng tô đậm]                       |
| 18  | 2120240137 | VÕ THỊ KIỀU OANH       | 16/06/2002 | CCQ2024E |       | 01          | [Chữ ký] | 6,5      | 5,3       | 5,8     | [Bảng tô đậm]                    | [Bảng tô đậm]                       |
| 19  | 2120240245 | NGUYỄN HUỲNH NHƯ PHÚC  | 18/11/2002 | CCQ2024H |       | 01          | [Chữ ký] | 6,0      | 9,5       | 8,1     | [Bảng tô đậm]                    | [Bảng tô đậm]                       |
| 20  | 2120240161 | VÕ THỊ DIỄM PHÚC       | 17/03/2002 | CCQ2024F |       | 01          | [Chữ ký] | 7,4      | 4,5       | 5,7     | [Bảng tô đậm]                    | [Bảng tô đậm]                       |

\* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 21/12/2022

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002511

Trang : 2/2

Môn học: **Biên dịch (224311) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **12/01/2023**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **A501**

Số SV có mặt: ...30...

Số bài thi: .....30.....

Số tờ giấy thi: ...30...

|                                                        |                                                      |                                                    |                                          |
|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------|
| Cán bộ coi thi 1<br><i>TB</i><br><i>Trần Thị Tuyết</i> | Cán bộ coi thi 2<br><i>Uuu</i><br><i>Bùi Thị Huệ</i> | G.Viên chấm thi 1<br><i>Nguyễn Thị Phương Linh</i> | G.Viên chấm thi 2<br><i>T.T. Ái Hằng</i> |
|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------|

| STT           | Mã SV                 | Họ và tên SV               | Ngày sinh             | Mã lớp              | H.Phí | Số tờ Mã đề | Chữ ký        | Đ.QT 40%       | Đ.Thi 60% | Điểm HP | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên    | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---------------|-----------------------|----------------------------|-----------------------|---------------------|-------|-------------|---------------|----------------|-----------|---------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| 21            | 2120240050            | NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG     | 01/01/2001            | CCQ2024B            |       | 01          | <i>Phuong</i> | 7.9            | 6.0       | 6.8     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10            | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 22            | 2120240197            | TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH         | 18/05/2002            | CCQ2024G            |       | 01          | <i>Nguyen</i> | 7.5            | 8.9       | 8.3     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10            | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 23            | 2120110303            | NÔNG QUANG THÁI            | 06/12/2002            | CCQ2024H            |       | 01          | <i>Thuc</i>   | 8.9            | 8.6       | 8.7     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10            | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 24            | 2120240166            | NGUYỄN THỊ THU THỦY        | 02/05/2002            | CCQ2024F            |       | 01          | <i>Thu</i>    | 6.4            | 5.7       | 6.0     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10            | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 25            | 2120240115            | NGUYỄN THỊ THANH THÚY      | 20/02/2002            | CCQ2024D            |       | 01          | <i>Thuc</i>   | 6.7            | 0.3       | 2.9     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10            | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| <del>26</del> | <del>2121240125</del> | <del>ĐINH MINH TIẾN</del>  | <del>20/07/1998</del> | <del>CCQ2124E</del> |       |             |               | <del>5.1</del> |           |         | <del>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</del> | <del>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</del>      |
| 27            | 2120240200            | HÀ GIA QUẾ TRÂM            | 13/12/2002            | CCQ2024G            |       | 01          | <i>Tram</i>   | 6.0            | 0.3       | 2.6     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10            | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 28            | 2122240012            | HỒ THỊ QUẾ TRÂN            | 25/07/2002            | CCQ2224A            |       | 01          | <i>Tran</i>   | 5.0            | 6.1       | 5.7     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10            | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 29            | 2120240118            | TRẦN THỊ THÚY TRIỀU        | 24/05/2002            | CCQ2024D            |       | 01          | <i>Thuc</i>   | 5.9            | 8.0       | 7.2     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10            | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| <del>30</del> | <del>2120240202</del> | <del>PHẠM VĂN TRƯỜNG</del> | <del>31/05/2002</del> | <del>CCQ2024G</del> |       |             |               | <del>3.4</del> |           |         | <del>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</del> | <del>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</del>      |
| 31            | 2120240148            | HUỖNH NGỌC KHẢ TÚ          | 27/01/2002            | CCQ2024E            |       | 01          | <i>Khach</i>  | 6.1            | 6.1       | 6.1     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10            | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 32            | 2121240166            | NGUYỄN THANH TÙNG          | 09/12/2003            | CCQ2124F            |       | 01          | <i>Tu</i>     | 6.7            | 5.3       | 5.9     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10            | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 33            | 2121240001            | NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY       | 22/03/2002            | CCQ2124A            |       | 01          | <i>Thuc</i>   | 6.8            | 8.6       | 7.9     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10            | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |